TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 991/2019/DS-PT
Ngày: 06-11-2019
V/v: *"Tranh chấp về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Thẩm phán:

1/ Ông Nguyễn Chí Sang

2/ Bà Đỗ Thị Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*:* Ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 474/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019, về "Tranh chấp về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1193/2019/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4922/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Công B,** sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: 685/13E Đường N1, Phường H1, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị C,** sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: 268/12 Đường N2, Phường K, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1 Bà **Phạm Thị Tú D**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 685/13E Đường N1, Phường H1, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông **Nguyễn Công B** (có mặt)

Địa chỉ: 685/13E Đường N1, Phường H1, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 10417 ngày 04/5/2017 của Phòng Công chứng K, Thành phố Hồ Chí Minh)

3.2 Ông **Nguyễn Văn G,** sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: 268/12 Đường N2, Phường K, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 **Ủy ban nhân dân quận A**

Địa chỉ: 06 Đường N3, Phường X1, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Quốc T** và ông **Phạm Đức A1** (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: 06 Đường N3, Phường X1, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 07/02/2018)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn – ông Nguyễn Công B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/9/2018, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn là ông Nguyễn Công B trình bày:

Căn nhà 268/14 Đường N2, Phường K, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là nhà 268/14) do ông B và vợ là bà Phạm Thị Tú D đứng tên sở hữu. Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03343 ngày 30/11/2005 thì căn nhà 268/14 thuộc thửa đất số 22, diện tích đất sử dụng riêng là 31m^2, diện tích xây dựng là 31m^2, sử dụng chung 0m^2. Do đó phần tường có chiều dài 4m giữa nhà ông và nhà 268/12 Đường N2, Phường K, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là nhà 268/12) là phần tường thuộc quyền sở hữu của nhà ông.

Ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên ông được quyền sử dụng phần đất có diện tích 0,4m^2 và được quyền sở hữu phần bức tường có diện tích khoảng 21m^2 nằm trên phần đất diện tích 0,4m^2 giữa hai nhà 268/12 và 268/14. Đồng thời ông B yêu cầu hủy bỏ một phần Giấy chứng nhận quyền sở hữu cũng như sử dụng một phần bức tường bên trái (nhìn từ ngoài vào) trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3495/2008/GCN ngày 30/06/2008 của UBND quận A cấp cho bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn G. Vì phần bức tường đó đã được cấp cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03343 vào ngày 30/11/2005 của gia đình ông thì không thể cấp lần thứ 2 cho Giấy chứng nhận khác vào ngày 30/6/2008.

Theo các biên bản hòa giải và bản tự khai, bị đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Vợ chồng bà mua căn nhà 268/12 của vợ chồng ông bà Bùi Thế T1và Văn Thị Diệu T4 ngày 13/6/2007, có công chứng tại Phòng Công chứng K, Thành phố

Hồ Chí Minh. Vợ chồng bà được UBND quận A cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3495/2008/GCN ngày 30/6/2008 và ghi rõ bức tường giáp ranh hai nhà 268/12 và 268/14 Đường N2 là tường riêng của nhà bà. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu phản tố có nội dung yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03343 do Ủy ban nhân dân quận A cấp ngày 30/11/2005 nhưng ngày 21/9/2018 bà đã rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố.

Theo các biên bản hòa giải và bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Tú D, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Công B trình bày: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn. Không trình bày gì thêm.

Theo các biên bản hòa giải và bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn G trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn. Không trình bày gì thêm.

Theo các biên bản hòa giải và bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân quận A, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Quốc Thanh và ông Phạm Đức Ánh trình bày:

Đối với nhà 268/14 thuộc thửa 22, tờ số 64, bản đồ địa chính lập năm 2002:

Căn cứ Giấy phép mua bán chuyển dịch chủ quyền nhà số 2065/GP-UB do Ủy ban nhân dân quận A cấp ngày 24/8/1989 giữa ông Trần Văn H3 và bà Trương Thị B1 với ông Nguyễn Chí D1 và bà Trần Thị NG (đính kèm Họa đồ hiện trạng nhà do Phòng Xây dựng quận A lập ngày 20/4/1987) ghi chú vách gạch giữa chung.

Theo bản vẽ hiện trạng nhà ở do Công ty quản lý phát triển nhà lập ngày 01/11/1994 thể hiện tường bên trái nhà số 2/64 Bis giáp nhà số 268/9 (nhà 268/14 và 268/12 hiện nay) là tường mượn.

Năm 2005, bà Nguyễn Thị S là chủ nhà 268/14 lúc đó xin cấp Giấy chứng nhận đối với nhà số 268/14 Đường N2, đính kèm sơ đồ nhà đất ở số 239/DN-2005 do Công ty Cổ phần Địa ốc và Thương mại Duy Nhất lập ngày 30/6/2005 được đo vẽ theo hướng dẫn của chủ nhà là bà Làn, qua đó thể hiện tường giáp nhà số 268/12 là tường riêng của nhà số 268/14 Đường N2. Quá trình giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân quận A không nhận được đơn tranh chấp khiếu nại liên quan đến nhà đất tại số 268/14 Đường N2, Phường K, quận A. Ngày 30/11/2005, Ủy ban nhân dân quận A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03343 cho ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị S đối với nhà số 268/14 Đường N2, Phường K, quận A với diện tích 31m^2 theo quy định.

Đối với nhà số 268/12 Đường N2, Phường K, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa 21, tờ số 64, bản đồ địa chính lập năm 2002:

Nhà số 268/12 (số cũ 268/9) Đường N2, Phường K, quận A được Ủy ban nhân dân quận A cấp Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 2816/GP-UB ngày 18/7/1992 cho ông Võ Vương VN, diện tích 34,8m^2, kèm bản vẽ hiện trạng

nhà do Xí nghiệp quản lý nhà quận A lập ngày 25/11/1989 thể hiện tường giáp nhà 2/64 có một phần tường riêng, một phần tường mượn.

Ngày 01/3/1996, Ủy ban nhân dân quận A cấp giấy phép sửa chữa số 21/GPSC cho ông Hàng Hàm Q1 và bà Võ Hồng TK là chủ nhà 268/12 vào lúc đó, diện tích xây dựng 34,31m^2.

Năm 2007, ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị C là chủ nhà 268/12 xin cấp Giấy chứng nhận đối với nhà số 268/12, đính kèm sơ đồ nhà ở, đất ở số 03LA/2007 do Công ty TNHH Thiết kế và Tư vấn đầu tư xây dựng Lam An lập ngày 21/7/2007 được đo vẽ theo hướng dẫn của chủ nhà là ông G và bà C, qua đó thể hiện tường giáp nhà số 268/14 là tường riêng của nhà số 268/12 Đường N2.

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh ngày 02/7/2018 theo số hợp đồng: 125652/TTĐĐBĐ-VPTT, phần tường có chiều dài 3,92m là của nhà số 268/12 (giáp khe hở) thuộc ranh Giấy chứng nhận số 3495/2008/GCN ngày 30/6/2008 do Ủy ban nhân dân quận A cấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1193/2019/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Công B về việc tranh chấp phần đất và hiện trạng bức tường dài 3,41m và 0,15m giữa nhà 268/12 và 268/14 Đường N2, Phường K, quận A là tường riêng của nhà số 268/14 Đường N2, Phường K, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ một phần Giấy chứng nhận quyền sở hữu cũng như sử dụng một phần bức tường trên trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3495/2008/GCN ngày 30/6/2008 của Ủy ban nhân dân quận A cấp cho bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn G.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị C ngày 28/9/2016.

Ông B phải chịu toàn bộ chi phí gồm: Chi phí Hợp đồng số 125652/TTĐĐBĐ-VPTT ngày 22/3/2018 của Trung tâm đo đạc bản đồ với số tiền 3.948.230 đồng; Biên lai thu tiền phí, lệ phí (theo yêu cầu của Trung tâm Đo đạc bản đồ) ngày 18/4/2018 số tiền là 200.000 đồng; tiền tạm ứng chi phí định giá và chi phí thẩm định 1.400.000 đồng ngày 01/11/2018.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Công B phải đóng 1.428.302 đồng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 214.710 đồng đã đóng theo Biên lai thu số 0002686 ngày 19/11/2015 và 300.000 đồng đã đóng theo Biên lai thu số 0005644 ngày 22/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A. Ông B còn phải đóng thêm số tiền 913.592 đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 31/7/2019, nguyên đơn – ông Nguyễn Công B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn trình bày: Phòng Tài nguyên và Môi trường quận A cũng chỉ là đương sự trong vụ án nên việc Toà sơ thẩm căn cứ vào Công văn số 544/TNMT ngày 29/5/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường để làm cơ sở giải quyết vụ án là không khách quan. Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 02/7/2018 vẽ đúng hiện trạng của nhà 268/14 và 268/12 Đường N2 nhưng không chỉ ra được ranh giới nhà đất giữa hai nhà. Việc phân định ranh giới phải do một tổ chức độc lập, có chức năng giám định thực hiện chứ không phải do Phòng Tài nguyên và Môi trường quận A thực hiện, tuy nhiên tại phiên toà Phúc thẩm nguyên đơn không xác định được đơn vị nào để yêu cầu toà trưng cầu. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn trình bày: Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Căn cứ vào Công văn số 544/TNMT ngày 29/5/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà và đất tại số 268/12 Đường N2, Phường K, quận A đã được Ủy ban nhân dân quận A cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3495/GCN ngày 30/6/2008. Thửa đất tại số 268/14 Đường N2, Phường K, quận A đã đã được Ủy ban nhân dân quận A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H03343 ngày 30/11/2005.

Theo bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 02/7/2018 (số hợp đồng 125652/TTĐĐBĐ- VPTT): Tại cạnh thửa đất dài 3,92m giữa nhà 268/12 và 268/14 Đường N2, Phường K, quận A: có khe hở rộng khoảng 0,05m, có tường riêng của mỗi hộ thuộc ranh giấy chứng nhận đã cấp (ký hiệu mũi tên hướng vào mỗi nhà). Tại cạnh thửa đất dài 3,41m giữa nhà 268/12 và 268/14 Đường N2, Phường K, quận A: có một bức tường của nhà số 268/12 (ký hiệu mũi tên hướng vào nhà 268/12), thuộc ranh đất đã được công nhận cho hộ 268/12 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3495/GCN ngày 30/6/2008 của Ủy ban nhân dân quận A. Đối với phần đất hiện trạng có bức tường dài 0,15m (phía sau, giữa nhà số 268/12 và 268/14 Đường N2): Cùng thuộc ranh đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3495/GCN ngày 30/6/2008 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H03343 ngày 30/11/2005.

Do đó, có cơ sở để khẳng định phần đất và bức tường tranh chấp có chiều dài 3,41m và 0,15m không phải là phần đất, bức tường riêng của nhà 268/14 Đường N2, Phường K, quận A. Đồng thời, phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Quyết định của sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Công B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1193/2019/DS-ST ngày 22/7/2019 của Toà án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc xác định quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

[1.1] Về đối tượng tranh chấp

Các đương sự tranh chấp quyền sử dụng phần đất có chiều dài 3,41m; 0,15m và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là bức tường trên phần đất này. Vị trí đất và tường tranh chấp nằm giữa hai nhà 268/12 và 268/14 Đường N2, Phường K, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về tài liệu, chứng cứ là Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm Đo đạc bản đồ lập ngày 02/7/2018.

Trung tâm Đo đạc Bản đồ là đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 2984/QĐ-UB ngày 23/11/1992 của UBND Thành phố (được đổi tên theo Quyết định số 335/2004/QĐ-UB ngày 29/12/2004) và Giấy phép số 328 ký ngày 05/12/2006 của Cục Đo đạc và Bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trung tâm có phạm vi hoạt động trên cả nước với nội dung hoạt động chính là: Khảo sát, lập dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc bản đồ; Kiểm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000; Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính các tỷ lệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ; Thực hiện đo vẽ quan trắc, định vị công trình;… Do đó, việc Trung tâm đo đạc bản đồ lập bản vẽ hiện trạng vị trí – áp ranh ngày 02/7/2018 là đúng chức năng. Căn cứ khoản 1, khoản 7 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, tài liệu này được xác định là chứng cứ.

[1.3] Về việc xác định quyền sử dụng và quyền sở hữu tài sản tranh chấp.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H03343 ngày 30/11/2005 của UBND quận A cấp cho ông Lê Văn Đvà bà Nguyễn Thị S, cập nhật biến động ngày 01/8/2008 sang tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Công B và bà Phạm Thị Tú D thì diện tích khuôn viên đất được công nhận là 31m^2.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3495/2008/GCN ngày 30/6/2008 do UBND quận A cấp cho ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị C thể hiện diện tích đất được công nhận là 34,54m^2

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 02/7/2018 thể hiện: Ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND quận A đã cấp cho nhà số 268/12 và 268/14 không chồng lấn nhau; Diện tích khuôn viên đất của mỗi nhà theo bản đồ hiện trạng bằng với diện tích khuôn viên đất được công nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp; bức tường tranh chấp có chiều dài 3,41m và bức tường tranh chấp có chiều dài 0,15m nằm trong ranh đã được công nhận cho nhà 268/12 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở 3495/2008/GCN ngày 30/6/2008 của Ủy ban nhân dân quận A.

[1.4] Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở xác định phần đất tranh chấp và tường xây trên đất tranh chấp thuộc phần đất của nhà 268/12. Nguyên đơn cho rằng bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ không chỉ ra được ranh giới nhà đất của hai nhà và ý kiến của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận A là không khách quan nên cần có đơn vị giám định độc lập. Tuy nhiên, bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh ngày 02/7/2018 là chứng cứ do cơ quan có thẩm quyền cung cấp và việc trưng cầu cơ quan giám định độc lập để xác định ranh đất tranh chấp là không cần thiết. UBND quận A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến trình bày của UBND quận A chỉ là một trong những tài liệu, chứng cứ trong vụ án. Nhận định bản án được Hội đồng xét xử đưa ra trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[2]. Về chi phí tố tụng:

Căn cứ khoản 2 Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Nguyễn Công B phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[3]. Từ những nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông Nguyễn Công B.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Bị đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố đã rút.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn phải chíu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 95, Điều 138, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông Nguyễn Công B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 1193/2019/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Công B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0021466 ngày 14/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận A;
- THADS quận A;
- Các đương sự;
- Lưu (T/20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huyền